

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-PT  
Ngày 14 – 4 – 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hùng Quang

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Trọng Nhân  
Bà Châu Minh Hoàng.

*- Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Trọng Bằng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông Điệp Văn L, sinh năm 1971

Bà Đỗ Ngọc H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Đỗ Ngọc H, sinh năm 1973.

*- Bị đơn:* Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1981 (có mặt)

Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm, sinh năm 1976

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Đại diện theo ủy quyền của bà T2: Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1981.

*- Người kháng cáo:* Ông Ngô Văn T1 – Bị đơn

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Ngọc H trình bày:*  
Ngày 16 tháng 12 năm 2019, vợ chồng ông Ngô Văn T1 và bà Huỳnh Thị T2 có

thế chấp cho vợ chồng bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1.000.000.000 đồng. Thời hạn thế chấp là 03 năm, lãi suất thỏa thuận 1/5%/tháng, mỗi tháng 15.000.000 đồng, đóng hàng tháng, nợ lãi đến thời điểm xét xử là 04 tháng với với tiền 60.000.000 đồng. Đến tháng 01 năm 2020 vợ chồng ông Ngô Văn T1 và bà Huỳnh Thị T2 có mượn của vợ chồng ông, bà thêm số tiền là 520.000.000 đồng, nhưng ông T1, bà T2 đã trả được 70.000.000 đồng, còn nợ lại 450.000.000 đồng. Tiền của ông Đỗ Bé Sáu bán cá cho ông T1, bà T2 số tiền 380.000.000 đồng, đã trả được 195.000.000 đồng, còn lại 185.000.000 đồng, hiện ông Bé Sáu đã ủy quyền giao cho bà để yêu cầu ông T1, bà T2 trả. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh giải quyết buộc vợ chồng ông T1 và bà T2 thanh toán tiền vay 1.000.000.000 đồng, tiền mượn 450.000.000 đồng, tiền nợ cá của ông Bé Sáu 185.000.000 đồng và số tiền lãi 04 tháng trên số tiền vay là 60.000.000 đồng, tổng cộng là 1.695.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà H xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1, bà T2 trả tiền vay và yêu cầu ông T1 trả một lần số tiền nợ, bà không yêu cầu giải quyết đối với phần nhà, đất đang thế chấp cho bà.

*\* Tại đơn yêu cầu ngày 19/01/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Văn T1 trình bày:* Ông xác định vợ chồng ông, bà thế chấp đất, tài sản gắn liền với đất cho ông L, bà H số tiền là 1.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 15.000.000 đồng/tháng, tiền mượn không tính lãi 520.000.000 đồng, trả được 07 lần với số tiền 70.000.000 đồng, còn lại 450.000.000 đồng, tiền của ông Đỗ Bé Sáu bán cá cho vợ chồng ông số tiền 380.000.000 đồng, đã trả được 195.000.000 đồng, còn lại 185.000.000 đồng, không có tính lãi, đối với tiền lãi khi bà H, ông L kiện vợ chồng ông thì chỉ 03 tháng, đến thời điểm này là 04 tháng. Đối với các khoản nợ của bà H với ông L thì ông đồng ý trả, nhưng gia đình ông đang gặp khó khăn, con bị tai nạn nên yêu cầu bà H, ông L cho vợ chồng ông được trả dần hàng tháng, khi nào bán được tài sản sẽ trả đủ cho bà H, ông L.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:*

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

*\* Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điệp Văn L, bà Đỗ Ngọc H đối với ông Ngô Văn T1, bà Huỳnh Thị T2 về việc trả tiền vay, tiền mượn và tiền lãi.

Buộc ông Ngô Văn T1, bà Huỳnh Thị T2 trả cho ông Điệp Văn L, bà Đỗ Ngọc H tổng số tiền 1.510.000.000 đồng.

Ghi nhận sự thuận của ông Ngô Văn T1 với bà Đỗ Ngọc H về việc ông T1 trả số tiền 185.000.000 đồng tiền nợ của ông Đỗ Bé Sáu cho bà Đỗ Ngọc H. Buộc ông Ngô Văn T1 trả cho bà Đỗ Ngọc H số tiền 185.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc ông Ngô Văn T1, bà Huỳnh Thị T2 phải chịu 62.850.000 đồng. Ngày 24 tháng 11 năm 2020 ông Điệp Văn L, bà Đỗ Ngọc H đã nộp số tiền 31.875.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006063 được nhận lại khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/1/2021, ông Ngô Văn T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu xem xét toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, và xin kháng cáo được trả dần hằng tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu rút lại một phần khởi kiện ông T1, bà T2 đối với khoản nợ của ông Đỗ Bé Sáu số tiền 185.000.000đ. Ông T1 đồng ý việc rút một phần khởi kiện của nguyên đơn.

Ông T1 kháng cáo xin được trả dần.

Phản tranh luận tại phiên toà: Các đương sự không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn T1, chấp nhận thay đổi rút lại một phần khởi kiện của nguyên đơn, đối với khoản nợ 185.000.000đ ông T1 nợ ông Đỗ Văn Sáu. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn là bà H cũng là người đại diện của ông L có thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút một phần khởi kiện ông Ngô Văn T1, bà Huỳnh Thị T2 đối với khoản nợ 185.000.000đ của ông Đỗ Bé Sáu. Đối với bị đơn là ông Ngô Văn T1 đồng ý với việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Việc rút một phần yêu cầu là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và không trái đạo đức, xã hội pháp luật, đây là quyền tự định đoạt của các đương sự được pháp luật ghi nhận, cho nên chấp nhận yêu cầu thay đổi của nguyên đơn. Hội đồng xét xử hủy, đình chỉ một phần bản án sơ thẩm đối với phần quyết định “Ghi nhận sự thuận của ông Ngô Văn T1 với bà Đỗ Ngọc H về việc ông T1 trả số tiền 185.000.000 đồng tiền nợ của ông Đỗ Bé Sáu cho bà Đỗ Ngọc H. Buộc ông Ngô Văn T1 trả cho bà Đỗ Ngọc H số tiền 185.000.000 đồng”. Nếu sau này các đương sự không tự thỏa thuận được, có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[2] Xét kháng cáo của ông Ngô Văn T1 yêu cầu xem xét toàn bộ bản án và xin được trả nợ hằng tháng. Nhận thấy về phần số tiền vốn vay và lãi hai bên thống nhất còn nợ lại 1.510.000.000đ cấp sơ thẩm xét xử buộc ông T1, bà T2 trả nợ là có căn cứ. Đối với việc kháng cáo xin trả dần, xét thấy đây là giai đoạn thi hành bản án, nên các đương sự phải thi hành theo Luật thi hành án dân sự qui định. Tại

phiên tòa phúc thẩm ông T1 không đưa ra được, tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc kháng cáo. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T1.

Từ phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn T1, chấp nhận yêu cầu thay đổi của nguyên đơn, rút một phần khởi kiện của bà H đối với khoản nợ ông Ngô Văn T1, bà Huỳnh Thị T2 nợ ông Đỗ Văn Sáu số tiền 185.000.000đ. Hủy, đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa ý kiến đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những phân tích nhận định trên.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy một phần nên ông T1, bà T2 phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn T1 phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 308, 244, 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn T1.

Hủy, đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điệp Văn L, bà Đỗ Ngọc H. Buộc ông Ngô Văn T1, bà Huỳnh Thị T2 trả cho ông Điệp Văn L, bà Đỗ Ngọc H số tiền 1.510.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm mười triệu đồng).

Ông Điệp Văn L và bà Đỗ Ngọc H có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do UBND huyện U Minh cấp ngày 05/5/2004 mang tên Ngô Minh Cảnh, cho ông Ngô Văn T1 và bà Huỳnh Thị T2 khi ông T1, bà T2 thanh toán xong khoản tiền nợ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Chấp nhận yêu cầu thay đổi khởi kiện của bà Đỗ Ngọc H về việc rút một phần khởi kiện đối với việc ông Ngô Văn T1, bà Huỳnh Thị T2 nợ ông Đỗ Bé Sáu số tiền 185.000.000đ. Hủy, đình chỉ một phần bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 20/01/2021 của TAND huyện U Minh đối với phần quyết định “Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Ngô Văn T1 với bà Đỗ Ngọc H về việc ông T1 trả số tiền 185.000.000 đồng tiền nợ của ông Đỗ Bé Sáu cho bà Đỗ Ngọc H. Buộc ông Ngô Văn T1 trả cho bà Đỗ Ngọc H số tiền 185.000.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn T1, bà Huỳnh Thị T2 phải chịu 57.300.000 đồng (chưa nộp).

Ông Điệp Văn L, bà Đỗ Ngọc H không phải chịu án phí sơ thẩm. Ngày 24 tháng 11 năm 2020 ông Điệp Văn L, bà Đỗ Ngọc H đã dự nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 31.875.000đ (lai số 0006063) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn T1 phải nộp 300.000đ. Ngày 26/01/2021 ông T1 đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (lai số 0006160) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, được sung quỹ nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Hùng Quang**

